



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

jaz

tôi

tì

bạn

on

anh ấy

ona

cô ấy

ono

nó

mi

chúng tôi / chúng ta

vi

các bạn

oni

họ

kaj

cái gì

kdo

ai

kje

ở đâu

zakaj

tại sao

kako

làm sao

kateri

cái nào

kđaj

lúc nào

potem

sau đó

če

nếu

resnično

thật sự

ampak

nhưng

ker

bởi vì

ne

không

to

này

Rabim to

Tôi cần cái này

Koliko je to?

Cái này giá bao nhiêu?

tisto

đó

vse

tất cả

ali

hoặc

in

và

vedeti

biết

Vem

Tôi biết

Ne vem

Tôi không biết

misliti

nghĩ

pri

đến

položiti

đặt

vzeti

lấy

najti

tìm

poslušati

nghe

delati

làm việc

govoriti

nói chuyện

dati

cho

imeti rad

thích

pomagati

giúp đỡ

ljubiti

yêu

poklicati

gọi

čekati

chờ đợi

Všeč si mi

Tôi thích bạn

To mi ni všeč

Tôi không thích cái này

Ali me ljubiš?

Bạn có yêu tôi không?

Ljubim te

Tôi yêu bạn

nič

0

ena

1

dva

2

tri

3

štiri

4

pet

5

šest

6

sedem

7

osem

8

devet

9

deset

10

enajst

11

dvanajst

12

trinajst

13

štirinajst

14

petnajst

15

šestnajst

16

sedemnajst

17

osemnajst

18

devetnajst

19

dvajset

20

nov

mới

star
generalen

cũ

malo

veliko

koliko?
generalen

ít

nhiều

bao nhiêu?

koliko?
število

napačen

pravilen

bao nhiêu?

sai

chính xác

slab

dober

srečen

xấu

tốt

hạnh phúc

kratek

dolg

majhen

ngắn

dài

nhỏ

velik

lớn

tam

đỏ

tukaj

đây

desno

phải

levo

trái

lep

xinh đẹp

mlad

trẻ

star
oseba

già

pozdravljeni

xin chào

se vidimo

hẹn gặp lại

v redu

được

pazi nase

bảo trọng nhé

ne skrbi

seveda

dober dan

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

živijo

adijo

nasvidenje

chào

bái bai

tạm biệt

oprostite

oprosti

hvala

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

prosim

hočem to

zdaj

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

popoldan

buổi chiều

dopoldan

buổi sáng

noč

ban đêm

zjutraj

buổi sáng

večer

buổi tối

opoldne

buổi trưa

polnoč

nửa đêm

ura
čas

giờ

minuta

phút

sekunda

giây

dan

ngày

teden

tuần

mesec

tháng

leto

năm

čas

thời gian

datum

ngày tháng

predvčerajšnjim

ngày hôm kia

včeraj

hôm qua

danes

hôm nay

jutri

ngày mai

pojutrišnjem

ngày kia

ponedeljek

thứ hai

torek

thứ ba

sreda

thứ tư

četrtek

petek

sobota

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

nedelja

Jutri je sobota

življenje

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

ženska

moški

ljubezen

đàn bà

đàn ông

tình yêu

fant
ljubezen

punca

prijatelj

bạn trai

bạn gái

bạn

poljub

hôn

seks

tình dục

otrok

trẻ em

dojenček

em bé

dekle

con gái

fant
generalen

con trai

mami

mẹ

oči

ba

mati

má

oče

cha

starši

cha mẹ

sin

con trai

hči

con gái

mlajša sestra

em gái

mlajši brat

em trai

starejša sestra

chị gái

starejši brat

anh trai

stati

đứng

sedeti

ngồi

ležati

nằm xuống

zapreti

đóng

odpreti
vrata

mở

izgubiti

thua

zmagati

thắng

umreti

chết

živeti

sống

prižgati

bật

izklopiti

tắt

ubiti

giết

poškodovati

làm bị thương

dotakniti se

chạm

gledati

xem

piti

uống

jesti

ăn

hoditi

đi bộ

srečati

gặp

staviti
šport

đặt cược

poljubiti

hôn

slediti

đi theo

poročiti se

cưới

odgovoriti

trả lời

vprašati

hỏi

vprašanje

câu hỏi

podjetje

công ty

posel

kinh doanh

zaposlitev

việc làm

denar

tiền

telefon

điện thoại

pisarna

văn phòng

zdravnik

bác sĩ

bolnišnica

bệnh viện

medicinska sestra

y tá

policist

cảnh sát

predsednik

tổng thống

bel

màu trắng

črn

màu đen

rdeč

màu đỏ

moder

màu xanh da trời

zelen
barva

màu xanh lá cây

rumen

màu vàng

počasen

chậm

hiter

nhanh

smešen

vui vẻ

nepošten

không công bằng

pošten

công bằng

zahteven

khó

enostaven

dễ

To je težko

Cái này khó

bogat

giàu

reven

nghèo

močen

khỏe

šibek

yếu

varen

an toàn

utrujen

mệt mỏi

ponosen

tự hào

sit

no bụng

bolan

bệnh

zdrav

khỏe mạnh

jezen

tức giận

nizek
generalen

thấp

visok
generalen

cao

raven

thẳng

vsak

mỗi / mọi

nenehno

luôn luôn

dejansko

thực ra

ponovno

lần nữa

že

đã

manj

ít hơn

najbolj

phần lớn

več

nhiều hơn

Hočem več

Tôi muốn nhiều hơn

nobena

không có

zelo

rất

žival

động vật

prašič

con lợn

krava

con bò

konj

con ngựa

pes

con chó

ovca

con cừu

opica

con khỉ

mačka

con mèo

medved

con gấu

kokoš

con gà

raca

con vịt

metulj

con bướm

čebela

con ong

riba
žival

con cá

pajek

con nhện

kača

con rắn

zunaj

ở ngoài

znotraj

ở trong

daleč

xa

blizu

gần

pod

bên dưới

nad

bên trên

poleg

bên cạnh

spredaj

phía trước

zadaj

phía sau

sladek

ngọt

kisel

chua

čuden

mehek

trd

lạ

mềm

cứng

srčkan

neumen

nor

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

zaposlen

visok
oseba

nizek
oseba

bận rộn

cao

thấp

zaskrbljen

presenečen

kul

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

priden

cư xử tốt

hudoben

ác độc

pameten

khéo léo

hladen

lạnh

vroč

nóng

glava

đầu

nos

mũi

las

tóc

usta

miệng

uho

tai

oko

mắt

roka
palec, đlan, ...

bàn tay

stopalo

bàn chân

srce

tim

možgani

não

vleči

kéo

potisniti

đẩy

pritisniti

ấn

udariti

đánh

ujeti

bắt

boriti se

chiến đấu

vreči

ném

teći

chạy

brati

đọc

pisati

viết

popraviti

sửa chữa

štetiti

đếm

rezati

cắt

prodati

bán

kupiti

mua

plaćati

trả

študirati

học

sanjati

mơ

spati

ngủ

igrati

chơi

proslaviti

ăn mừng

počivati

ngủ ngơi

uživati

thưởng thức

čistiti

dọn dẹp

šola

trường học

hiša

nhà ở

vrata

cửa

mož

chồng

žena

vợ

poroka

đám cưới

oseba

người

avto

xe hơi

dom

nhà

mesto

thành phố

število

số

enaindvajset

21

dvaindvajset

22

šestindvajset

26

trideset

30

enaintrideset

31

triintrideset

33

sedemintrideset

37

štirideset

40

enainštirideset

41

štiriinštirideset

44

oseminštirideset

48

petdeset

50

enainpetdeset

51

petinpetdeset

55

devetinpetdeset

59

šestdeset

60

enainšestdeset

61

dvainšestdeset

62

šestinšestdeset

66

sedemdeset

70

enainsedemdeset

71

triinsedemdeset

73

sedeminsedemdeset

77

osemdeset

80

enainosemdeset

81

štiriinosemdeset

84

oseminosemdeset

88

devetdeset

90

enaindevetdeset

91

petindevetdeset

95

devetindevetdeset

99

sto

100

tisoč

1000

deset tisoč

10.000

sto tisoč

100.000

milijon

1.000.000

moj pes

con chó của tôi

tvoja mačka

con mèo của bạn

njena obleka

váy của cô ấy

njegov avto

xe của anh ấy

njegova/njena žoga

quả bóng của nó

naš dom

nhà của chúng tôi

vaša ekipa

đội của bạn

njihovo podjetje

công ty của họ

vsi

mọi người

skupaj

cùng nhau

drugo

khác

ni pomembno

không thành vấn đề

na zdravje

chúc mừng

sprosti se

thư giãn đi

strinjam se

tôi đồng ý

dobrodošli

chào mừng

brez skrbi

không phải lo

zavij desno

rẽ phải

zavij levo

rẽ trái

pojdi naravnost

đi thẳng

pridi z mano

Hãy đi với tôi

jajce

trứng

sir

phô mai

mleko

sữa

riba
hrana

cá

meso

thịt

zelenjava

rau

sadje

trái cây

kost
hrana

xương

olje

dầu

kruh

bánh mì

sladkor

đường

čokolada

sô cô la

sladkarije

kẹo

torta

bánh bông lan

pijača

đồ uống

voda

nước

mineralna voda

nước soda

kava

cà phê

čaj

trà

pivo

bia

vino

rượu nho

solata
obroki

sa lát

juha

súp

sladica

món tráng miệng

zajtrk

bữa ăn sáng

kosilo

večerja

pica

bữa trưa

bữa tối

pizza

avtobus

vlak

železniška postaja

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

avtobusna postaja

letalo

ladja

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

tovornjak

kolo

motorno kolo

xe tải

xe đạp

xe mô tô

taksi

xe taxi

semafor

đèn giao thông

parkirišče

bãi đậu xe

cesta

đường

oblačilo

quần áo

čevelj

giày dép

plašč

áo choàng

pulover

áo len

srajca

áo sơ mi

jakna

áo khoác

obleka
moški

áo phục

hlače

quần dài

obleka
ženska

đầm

majica

áo phông

nogavica

bít tất

modrček

áo ngực

spodnjice

quần lót

očala

kính

ročna torba

túi xách

torbica

ví tiền

denarnica

ví

prstan

nhẫn

klobuk

mũ

ura
roka

đồng hồ đeo tay

žep

Kako ti je ime?

Moje ime je David

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Imam 22 let

Kako si?

Si v redu?

Tôi 22 tuổi

Bạn có khỏe không?

Bạn có ổn không?

Kje je stranišče?

Pogrešam te

pomlad

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

poletje

jesen

zima

mùa hè

mùa thu

mùa đông

januar

tháng một

februar

tháng hai

marec

tháng ba

april

tháng tư

maj

tháng năm

junij

tháng sáu

julij

tháng bảy

avgust

tháng tám

september

tháng chín

oktober

tháng mười

november

tháng mười một

december

tháng mười hai

nakupovanje

mua sắm

račun

hóa đơn

trg

chợ

supermarket

siêu thị

stavba

tòa nhà

stanovanje

căn hộ

univerza

trường đại học

kmetija

nông trại

cerkev

nhà thờ

restavracija

nhà hàng

bar

quán bar

fitnes center

phòng thể dục

park

công viên

WC

nhà vệ sinh

zemljevid

bản đồ

rešilec

xe cứu thương

policija

cảnh sát

pištola

súng

gasilci

lính cứu hỏa

država
Slovenija

quốc gia

predmestje

ngoại ô

vas

ngôi làng

zdravje

sức khỏe

zdravilo

dược phẩm

nesreča

tai nạn

pacient

bệnh nhân

operacija

phẫu thuật

tableta

viên thuốc

vročina

sốt

prehlad

cảm lạnh

rana

vết thương

termin

cuộc hẹn

kašelj

ho

vrat

cổ

rit

mông

rama

vai

koleno

đầu gối

noga

chân

roka
generalen

tay

trebuh

bụng

prsi

ngực

hrbet

lưng

zob

răng

jezik

lưỡi

ustnica

môi

prst
roka

ngón tay

prst na nogi

ngón chân

želodec

dạ dày

pljuča

phổi

jetra

gan

živec

dây thần kinh

ledvica

thận

črevesje

ruột

barva
generalen

màu sắc

oranžen

màu cam

siv

màu xám

rjav

màu nâu

roza

màu hồng

dolgočasen

nhàm chán

težek

nặng

lahek

nhẹ

osamljen

cô đơn

lačen

đôi bụng

žejen

khát nước

žalosten

buồn

strm

dốc

ploščat

bằng phẳng

okrogel
stvar

tròn

kvadraten

vuông

ozek

hẹp

širok

rộng

globok

sâu

plitev

nông

ogromen

lớn

sever

bắc

vzhod

đông

jug

nam

zahod

tây

umazan

bẩn

čist

sạch sẽ

poln

đầy

prazen

trống rỗng

drag

đắt

poceni

rẻ

temen

tối

svetel

sáng

seksi

quyến rũ

len

lười biếng

pogumen

dũng cảm

velikodušen

hào phóng

čeden

đẹp trai

grd

xấu xí

trapast

ngớ ngẩn

prijazen

thân thiện

kriv

tội lỗi

slep

mù

pijan

say

moker

ướt

suh
moker

khô

topel

ấm áp

glasen

ồn ào

miren

yên tĩnh

tih

im lặng

kuhinja

nhà bếp

kopalnica

phòng tắm

dnevna soba

phòng khách

spalnica

phòng ngủ

vr̃t

vườn

garaža

gara

zid

tường

klet

tầng hầm

stranišče

nhà vệ sinh

stopnice

cầu thang

streha

mái nhà

okno
stavba

cửa sổ

nož

dao

skodelica
vroče

tách

kozarec

ly

krožnik

đĩa

skodelica
hladno

cốc

smetnjak

thùng rác

skleda

tô

TV sprejemnik

bộ tivi

miza

pisarna

bàn

postelja

giường

ogledalo

gương

tuš

vòi hoa sen

kavč

ghế sofa

slika

kamera

ảnh

ura

zid

đồng hồ

miza

generalen

bàn

stol

ghế

bazen
vrt

hồ bơi

zvonec

chuông

sosed

hàng xóm

spodleteti

thất bại

izbrati

chọn

ustreliti

bắn

voliti

bình chọn

padati

rơi xuống

braniti

bảo vệ

napasti

tấn công

ukrasti

trộm

goreti

đốt

rešiti

cứu

kaditi

hút thuốc

leteti

bay

nositi

mang theo

pljuvati

khắc nhỏ

brcniti

đá

ugrizniti

cắn

dihati

thở

vonjati

ngửi

jokati

khóc

peti

hát

smehljati se

cười mỉm

smejati se

cười

rasti

lớn lên

manjšati se

co lại

kregati se

tranh luận

groziti

đe dọa

deliti

chia sẻ

nahraniti

cho ăn

skriti

trốn

posvariti

cảnh báo

plavati

bơi

skočiti

nhảy

kotaliti se

lăn

dvigniti

nâng

kopati

đào

kopirati

sao chép

dostaviti

giao hàng

iskati

tìm kiếm

vaditi

luyện tập

potovati

đi du lịch

slikati

vẽ

stuširati se

tắm vòi sen

odpreti
obešanka

mở

zakleniti

khóa

prati

rửa

moliti

cầu nguyện

kuhati

nấu ăn

knjiga

sách

knjižnica

thư viện

domača naloga

bài tập về nhà

izpit

bài thi

lekcija

bài học

znanost

khoa học

zgodovina

lịch sử

umetnost

nghệ thuật

angleščina

tiếng Anh

francoščina

tiếng Pháp

pero

cây bút

svinčnik

bút chì

trije odstotki

3%

prvi

thứ nhất

drugi

thứ hai

tretji

thứ ba

četrți

thứ tư

rezultat

kết quả

kvadrat

hình vuông

krog

hình tròn

površina

diện tích

raziskava

ngiên cứu

stopnja

bằng cấp

diplomant

cử nhân

magisterij

thạc sĩ

x je manjši od y

$x < y$

x je večji od y

$x > y$

stres

áp lực

zavarovanje

bảo hiểm

osebje

nhân viên

oddelek

bộ phận

plača

lương

naslov
stavba

địa chỉ

pismo

lá thư

kapitan

thuyền trưởng

detektiv

thám tử

pilot

phi công

profesor

giáo sư

učitelj

giáo viên

odvetnik

luật sư

tajnica

thư ký

pomočnik

trợ lý

sodnik
zakon

thẩm phán

direktor

giám đốc

vodja

quản lý

kuhar

đầu bếp

voznik taksija

tài xế taxi

voznik avtobusa

tài xế xe buýt

kriminallec

tội phạm

model

người mẫu

umetnik

nghệ sĩ

telefonska številka

số điện thoại

signal

tín hiệu

aplikacija

ứng dụng

klepet

trò chuyện

datoteka

tập tin

url

url

e-naslov

địa chỉ email

spletna stran

trang mạng

e-pošta

thư điện tử

mobilni telefon

điện thoại di động

zakon

pháp luật

zapor

nhà tù

dokaz

chứng cứ

globa

tiền phạt

priča

nhân chứng

sodišče

tòa án

podpis

chữ ký

izguba

thua lỗ

dobiček

lợi nhuận

stranka

khách hàng

znesek

số tiền

kreditna kartica

thẻ tín dụng

geslo

mật khẩu

bankomat

máy rút tiền

bazen
šport

bể bơi

elektrika

điện

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

darilo

quà tặng

steklenica

cái chai

vrečka

cái túi

ključ

chìa khóa

lutka

búp bê

angel

thiên thần

glavnik

lược

zobna pasta

kem đánh răng

zobna ščetka

bàn chải đánh răng

šampon

dầu gội

krema

kem thoa

robček

khăn giấy

šminka

son môi

TV

truyền hình

kino

rạp chiếu phim

novice

tin tức

sedež

ghế

vstopnica

vé

platno

màn chiếu

glasba

âm nhạc

oder

sân khấu

občinstvo

khán giả

slika
umetnik

hội họa

šala

trò đùa

članek

bài báo

časopis

báo chí

revija

tạp chí

oglaševanje

quảng cáo

narava

thiên nhiên

pepel

tro

ogenj

lửa

diamant

kim cương

luna

mặt trăng

Zemlja

Trái Đất

sonce
vesolje

mặt trời

zvezda

ngôi sao

planet

hành tinh

vesolje

vũ trụ

obala
morje

bờ biển

jezero

hồ

gozd

rừng

puščava

sa mạc

hrib

đồi núi

skala

đá

reka

con sông

dolina

thung lũng

gora

núi

otok

đảo

ocean

đại dương

morje

biển

vreme

thời tiết

led

băng

sneg

tuyết

nevihta
generalen

bão táp

dež

mưa

veter

gió

rastlina

thực vật

drevo

cây

trava

cỏ

vrtnica

hoa hồng

roža

hoa

plin
kemija

chất khí

kovina

kim loại

zlató

vàng

srebro

bạc

Srebro je cenejšé od zlata

Bạc rẻ hơn vàng

Zlato je dražje od srebra

Vàng đắt hơn bạc

počitnice

ngày lễ

član

thành viên

hotel

khách sạn

plaža

bờ biển

gost

khách

rojstni dan

sinh nhật

božič

Giáng sinh

novo leto

Năm Mới

velika noć

Lễ Phục sinh

stric

chú

teta

cô

babica
oče

bà nội

dedek
oče

ông nội

babica
mati

bà ngoại

dedek
mati

ông ngoại

smrt

tử vong

grob

phần mộ

ločitev

ly hôn

nevesta

cô dâu

ženin

chú rể

sto ena

101

sto pet

105

sto deset

110

sto enainpetdeset

151

dvesto

200

dvesto dva

202

dvesto šest

206

dvesto dvajset

220

dvesto dvainšestdeset

262

tristo

300

tristo tri

303

tristo sedem

307

tristo trideset

330

tristo triinsedemdeset

373

štiristo

400

štiristo štiri

404

štiristo osem

408

štiristo štirideset

440

štiristo štiriinosemdeset

484

petsto

500

petsto pet

505

petsto devet

509

petsto petdeset

550

petsto petindevetdeset

595

šeststo

600

šeststo ena

601

šeststo šest

606

šeststo šestnajst

616

šeststo šestdeset

660

sedemsto

700

sedemsto dva

702

sedemsto sedem

707

sedemsto sedemindvajset

727

sedemsto sedemdeset

770

osemsto

800

osemsto tri

803

osemsto osem

808

osemsto osemintrideset

838

osemsto osemdeset

880

devetsto

900

devetsto štiri

904

devetsto devet

909

devetsto devetinštirideset

949

devetsto devetdeset

990

tiger

con hổ

miš

con chuột

podgana

con chuột cống

zajec

con thỏ

lev

con sư tử

osel

con lừa

slon

con voi

ptica

con chim

petelin

con gà trống choai

golob

con chim bồ câu

gos

con ngựa

žuželka

côn trùng

hrošč

con bọ

komar

con muỗi

muha

con ruồi

mravlja

con kiến

kit

con cá voi

morski pes

con cá mập

delfin

con cá heo

polž

con ốc sên

žaba

con ếch

pogosto

thường xuyên

takoj

ngay lập tức

nenadoma

đột ngột

čeprav

mặc dù

gimnastika

thể dục dụng cụ

tenis

quần vợt

tek

chạy

kolesarjenje

đạp xe

golf

đánh golf

drsanje

trượt băng

nogomet

bóng đá

košarka

bóng rổ

plavanje

bơi lội

potapljanje

lặn

pohodništvo

đi bộ đường dài

Združeno kraljestvo

Vương quốc Anh

Španija

Tây Ban Nha

Švica

Thụy sĩ

Italija

Ý

Francija

Pháp

Nemčija

Đức

Tajska

Thái Lan

Singapur

Singapore

Rusija

Nga

Japonska

Nhật Bản

Izrael

Israel

Indija

Ấn Độ

Kitajska

Trung Quốc

Združene države Amerike

Hoa Kỳ

Mehika

Mexico

Kanada

Canada

Čile

Chile

Brazilija

Brazil

Argentina

Argentina

Južna Afrika

Nam Phi

Nigerija

Nigeria

Maroko

Ma Rốc

Libija

Libya

Kenija

Kenya

Alžirija

Algeria

Egipt

Ai Cập

Nova Zelandija

New Zealand

Avstralija

Úc

Afrika

Châu Phi

Evropa

Châu Âu

Azija

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

četrť ure

mười lăm phút

pol ure

nửa tiếng

tri četrť ure

bốn mươi lăm phút

ob enih

1:00

pet čez dve

2:05

deset čez tri

3:10

četrť čez štiri

4:15

dvajset čez pet

5:20

petindvajset čez šest

6:25

pol osmih

7:30

osem petintrideset

8:35

dvajset do desetih

9:40

petnajst do enajstih

10:45

deset do dvanajstih

11:50

pet do enih

12:55

ob enih zjutraj

một giờ sáng

ob dveh popoldan

hai giờ chiều

prejšnji teden

tuần trước

ta teden

tuần này

naslednji teden

tuần sau

lansko leto

to leto

naslednje leto

năm ngoái

năm nay

năm sau

prejšnji mesec

ta mesec

naslednji mesec

tháng trước

tháng này

tháng sau

prvi januar dva tisoč
štirinajst

petindvajseti februar dva
tisoč tri

dvanajsti april tisoč devetsto
oseminosemdeset

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

trinajsti oktober tisoč
osemsto devetindevetdeset

trideseti september tisoč
devetsto sedem

dvanajsti december dva tisoč

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

čelo

trán

guba

nếp nhăn

brada
glava

cằm

lice

má

brada
las

râu

trepalnice

lông mi

obrv

lông mày

pas
telo

eo

tilnik

gáy

prsni koš

lồng ngực

palec

ngón cái

mezinec

ngón tay út

prstanec

ngón tay đeo nhẫn

sredinec

ngón tay giữa

kazalec

ngón tay trỏ

zapestje

cổ tay

noht

móng tay

peta

gót chân

hrbtenica

xương sống

mišica

cơ bắp

kost
telo

xương

skelet

bộ xương

rebra

xương sườn

vretence

đốt sống

mehur

bàng quang

vena

tĩnh mạch

arterija

động mạch

vagina

âm đạo

sperma

tinh trùng

penis

dương vật

modo

tinh hoàn

sočen

mọng nước

pikanten

cay

slan

mặn

surov

sống

kuhan

lướt

sramežljiv

nhút nhát

pohlepen

tham lam

strog

ng nghiêm khắc

gluh

điếc